TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01482

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11142133	NGÔ THỊ BẢO	DUYÊN	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
20	11161079	NGUYỄN XUYÊN	DUYÊN	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
21	11142121	ĐINH NGUYỄN AN	DƯƠNG	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3
22	11142136	BÙI QUỐC	ĐẠT	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
23	11111044	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
24	11161088	LÊ TẤN	ĐẠT	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
25	11112271	NGUYỄN THỊ	ĐÔNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
26	11161025	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
27	11112088	VÕ VĂN TUẤN	EM	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0

Số bài: 27 ; Số tờ: 27

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01482

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11142029	ĐOÀN THỊ THÚY	AN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
2	11161084	HUỲNH THANH	AN	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
3	11111019	LÊ VIẾT	AN	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
4	11111066	NGÔ VIÊT	AN	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
5	11142120	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
6	11161002	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH11TA	1			7	6	6,3	6	3
7	11132016	TRẦN DUY	BÌNH	DH11SP	1			8	9	8,7	8	7
8	11161015	NGÔ THỊ	BÔNG	DH11TA	1	Bông		8	8	8,0	8	0
9	11142003	ĐỖ THỊ HỒNG	CẨM	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
10	11142036	NGUYỄN NGỌC KIM	CHÂU	DH11DY	1	KChâu		8	8	8,0	8	0
11	11142005	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
12	11161016	HỒ VĂN	CÔNG	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
13	11142131	CHÂU HOÀNG	CƯỜNG	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
14	11161017	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	DH11TA	1			7	6	6,3	6	3
15	11111070	ĐẶNG THỊ QUỲNH	DIỄM	DH11CN	1			8	9	8,7	8	7
16	11161087	NGUYỄN TẤN	DOÃN	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
17	11111121	NGUYỄN HÙNG QUỐC	DUY	DH11CN	1			8	9	8,7	8	7
18	11112070	NGUYỄN QUANG	DUY	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6

Số bài: 27; Số tờ: 27

Cán bộ coi thi 1&2: Đinh T. Tuyết Hường; Phạm Thị Thuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: [signature]; V V Nhàn

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01490

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11112178	BÙI VĂN	QUÍ	DH11TY	1			8	8	8.0	8	0
38	11161105	LÊ TẤN	QUÍ	DH11TA	1			7	7	7.0	7	0
39	~~11112180~~	~~PHẠM ĐÌNH ANH~~	~~QUỐC~~	~~DH11TY~~								
40	11111120	HỒ VIẾT	SANG	DH11CN	1			8	9	8.7	8	7

Số bài: 35 ; Số tờ: 2.5

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 4 năm 12

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01490

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11111086	LÊ HOÀNG THẢO	NGUYÊN	DH11CN	1			7	7	7.0	7	0
20	~~11111087~~	~~NGUYỄN VŨ THẢO~~	~~NGUYÊN~~	~~DH11CN~~							0	
21	11112019	TÔ KIỀU	NGUYÊN	DH11TY	1			8	8	8.0	8	0
22	11111108	ĐẶNG NGHĨA	NHÂN	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
23	11111012	LÂM VĂN	NHẤT	DH11CN	1			8	7	7,3	7	3
24	11161044	ĐINH THỊ KIỀU	NHI	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
25	11111112	MAI TẤN	PHÁT	DH11CN	1			7	7	7.0	7	0
26	07111224	LÊ NGỌC	PHI	DH08TA	1			8	7	7,3	7	3
27	11111065	ĐẶNG THẾ	PHONG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
28	11112163	LÊ VÕ TUẤN	PHONG	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6
29	11112284	TRẦN THỊ THANH	PHÚC	DH11TY	1			8	8	8.0	8	0
30	11112285	LÊ THANH MỸ	PHỤNG	DH11TY	1			8	8	8.0	8	0
31	11142154	LÊ THỊ	PHỤNG	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
32	11142126	TRẦN PHI	PHỤNG	DH11DY	2			8	9	8,7	8	7
33	11111080	ĐÀM THỊ	PHƯƠNG	DH11CN	1			7	7	7.0	7	0
34	11112048	LÊ HOÀNG MINH	PHƯƠNG	DH11TY	1			8	8	8.0	8	0
35	10112143	NGUYỄN NHẬT	QUANG	DH11TY	1			7	4	4,9	4	9
36	11112176	PHẠM HOÀNG NHẤT	QUÂN	DH11TY	1			7	7	7.0	7	0

Số bài: 35 ; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Đăng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 4 năm 2012

• Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01490

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11112112	CAO VĂN	HƯNG	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
~~2~~	~~11111122~~	~~PHÙNG MẠNH~~	~~HƯNG~~	~~DH11CN~~								
3	11112262	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
4	11112117	LÊ TUẤN	KHANG	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
5	11111107	NGUYỄN DUY	KHANG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
6	11112011	NGUYỄN NHỰT	KHANG	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
7	11112124	NGUYỄN PHAN BẢO	KHOA	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
8	11111010	TRẦN XUÂN	LAM	DH11CN	1			7	5	5,6	5	6
~~9~~	~~11111078~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~LĂNG~~	~~DH11CN~~								
10	11161038	ĐOÀN TẤT	LẬP	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
11	11161040	NGUYỄN THỊ	LINH	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
12	11112136	NGUYỄN BẢO	LONG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
~~13~~	~~11112015~~	~~HUỲNH~~	~~MAI~~	~~DH11TY~~								
14	11112018	NGUYỄN KIỀU	MY	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
15	11161099	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
16	11112149	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NGÂN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
17	11112279	TỪ BẢO	NGỌC	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
18	11112155	VŨ VĂN	NGỌC	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3

Số bài: 35 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Đăng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 4 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01483

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11142044	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	EM	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
20	11112260	PHAN THỊ HỒNG	GẤM	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
21	11172064	NGUYỄN NGỌC	HÀO	DH11SM	1			7	5	5,6	5	6
22	11142141	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
23	11111097	TRỊNH THỊ MỘNG	HẰNG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
24	11111075	LÊ XUÂN	HIỀN	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
25	11161091	NGÔ ĐOÀN	HIẾU	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
26	11161030	TRẦN THỊ KIM	HOA	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
27	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
28	11112100	VÕ THỊ NGỌC	HOÀI	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
29	11112109	NGUYỄN PHI	HỔ	DH11TY	1			7	4	4,9	4	9
30	11142058	NGUYỄN THANH	HUỆ	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0

Số bài: 29 ; Số tờ: 29

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01483

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11112259	TRẦN TRÂM	ANH	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
2	11142022	VÕ THỊ NGỌC	ANH	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
3	11142129	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
4	11111003	DƯƠNG VĂN	CHUNG	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
5	11112307	NÔNG ĐỨC	CƯƠNG	DH11TY	1			7	7	8,0	8	0
6	11142006	NGUYỄN NHÂN	DANH	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
7	~~11132036~~	~~LÊ THANH~~	~~DIỆU~~	~~DH11SP~~				✓	✓			
8	11112066	TỪ CHÍ	DIỆU	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
9	11142042	NGUYỄN THỊ HOÀNG	DUNG	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
10	11112071	VŨ HOÀNG	DUY	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
11	11111061	PHAN THỊ	DUYÊN	DH11CN	1			8	9	8,7	8	7
12	11111036	ĐỖ TẤN	DƯƠNG	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
13	11112077	TRẦN BÁ THÙY	DƯƠNG	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
14	11142135	ĐẶNG HOÀNG	ĐẠO	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
15	11112079	TRẦN ĐỨC	ĐẠO	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
16	11161089	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH11TA	1			7	6	6,3	6	3
17	11111073	PHẠM THẾ	ĐIỀN	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
18	11161003	NGUYỄN THỊ NHUNG	EM	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Kế toán Nguyệt

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01495

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV335 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11142146	NGUYỄN THỊ	KIỀU	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
20	11142065	TRƯƠNG THỊ THANH	LAN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
21	11161039	TRIỆU VĂN	LẬP	DH11TA	1			7	6	6,3	6	3
22	11111104	NGUYỄN CAO	LẦU	DH11CN	1			8	7	7,3	7	3
23	11112131	CHU THỊ MỸ	LINH	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
24	11142147	DƯƠNG THỊ MỸ	LINH	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
25	11111082	NGUYỄN TUẤN	LINH	DH11CN	1			7	5	5,6	5	6
26	11111105	PHẠM HỒNG	LUYẾN	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
27	11142149	HỒ SĨ	LƯU	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3
28	11142068	LÊ THỊ KHÁNH	LY	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3
29	11142072	NGUYỄN THỊ THOẠI	MỸ	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
30	11142077	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
31	11161043	PHAN TRỌNG	NHÂN	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
32	11161102	LÊ THỊ KIỀU	NƯƠNG	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
33	11161103	CAO HOÀNG Y	PHỤNG	DH11TA	1			7	5	5,6	5	6
34	11142089	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHƯƠNG	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
35	11161047	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0

Số bài: 35 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Minh Hoa Thanh

Phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01495

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV335 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11142048	PHẠM NGUYỄN THÙY	GIAO	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
2	11161027	TRƯƠNG HỒNG	HÀ	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
3	11142008	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
4	11142142	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
5	11111074	TRẦN THỊ	HẰNG	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
6	11142052	LƯƠNG VĂN	HẬU	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
7	11161029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
8	11111008	LÊ QUANG	HIẾU	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
9	11161031	MAI ĐẠI	HÒA	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
10	11161032	BÙI THỊ MỸ	HOÀNG	DH11TA	2			8	9	8,7	8	7
11	11161033	LÊ VĂN	HOÀNG	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
12	11142057	PHẠM THỊ	HỒNG	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3
13	11161035	BÙI HUỲNH	HUY	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
14	11142059	NGUYỄN THỊ DIỄM	HUYỀN	DH11DY	1			7	5	5,6	5	6
15	11161094	HÀ VĨNH	HƯNG	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
16	11112116	NGUYỄN TRỌNG	KHA	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
17	11112118	PHẠM CHÍ	KHANG	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
18	11142023	PHAN HỒ TÁI	KHANG	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3

Số bài: 35 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Minh Da Hạnh

Phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01496

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11112251	NÔNG THỊ VINH	DH11TY	1	[signature]		7	7	7,0	7	0
38	11161075	HUỲNH NGUYÊN THANH VŨ	DH11TA	1	[signature]		8	8	8,0	8	0

Số bài: 38; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: [signature] Nguyễn T Bích Thắng; [signature] Hoàng Thị Nụ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: [signature] [signature]

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **01496**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11161115	BÙI CÔNG	TỊNH	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
20	11161062	LÊ TRỌNG	TOÀN	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
21	11142128	TRẦN THANH	TOÀN	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
22	11161116	ĐỖ THỊ	TRANG	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
23	11161117	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
24	11111031	LÊ THANH	TRÂM	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
25	11111048	LÊ MINH	TRÍ	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
26	10120046	HOÀNG NGỌC BẢO	TRINH	DH10KT	1			8	8	8,0	8	0
27	11142028	NGUYỄN THỊ UYÊN	TRINH	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
28	11142167	TẠ THỊ THÙY	TRINH	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
29	11142113	TRẦN THỊ DIỄM	TRINH	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
30	11161082	LÊ ĐỨC	TRUNG	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
31	11111002	TRẦN ĐỨC	TRUNG	DH11CN	1			7	5	5,6	5	6
32	11111094	TRẦN THANH	TÚ	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
33	11142171	LỮ THỊ CẨM	UYÊN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
34	10121022	NGUYỄN HUỲNH	VĂN	DH10PT	1			7	4	4,9	4	9
35	11161074	TRẦN ĐĂNG BẢO	VĂN	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
36	11142172	HUỲNH VŨ HỒNG	VI	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T Bích Thủy

Hoàng Thị Nhu

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01496

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11111118	NGUYỄN VIẾT	QUÂN	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
2	11142091	HUỲNH PHÚ	QUÝ	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
3	11161049	NGUYỄN MINH	SANG	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
4	11142026	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
5	11142093	VÕ VĂN	SON	DH11DY	1			7	5	5,6	5	6
6	11142097	NGUYỄN NGỌC	SƯƠNG	DH11DY	1			7	5	5,6	5	6
7	11142099	TRẦN THANH	TÂN	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
8	11161056	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
9	10120036	LƯƠNG THỊ	THANH	DH10KT	1			8	8	8,0	8	0
10	11161108	ĐINH THỊ THANH	THẢO	DH11TA	1			7	6	6,3	6	3
11	11161055	PHẠM THỊ THU	THẢO	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
12	11142104	NGUYỄN HOÀNG	THI	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
13	11142163	PHẠM THỊ ÁI	THI	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
14	11142164	HUỲNH NGỌC KHÁNH	THIỆN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
15	11112212	ĐỖ THỊ	THỦY	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
16	11161008	BÙI THỊ THỦY	TIÊN	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
17	11111030	NGUYỄN PHẠM THỦY	TIÊN	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
18	11161114	NGUYỄN KHƯƠNG	TÍN	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 18 ; Số tờ: 18

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T Bích Thủy

Hoàng Thị Nụ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01491

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11112041	TĂNG HUỲNH TUẤN	TÚ	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
38	11111114	TRẦN ANH	TUẤN	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
39	11112037	TRẦN TRỌNG	TUẤN	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
40	10112223	NGUYỄN HUỲỀN	TÙNG	DH10TY	1			7	6	6,3	6	3
41	11161118	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
42	11112040	NGUYỄN MINH	TUYỀN	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
43	11112295	DƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
44	11112238	BÙI VĂN	TƯ	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
45	~~11161006~~	~~HUỲNH PHÚC~~	~~VĂN~~	~~DH11TA~~	~~0~~							
46	11161007	PHÙNG TUYẾT	VÂN	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
47	11112243	ĐỖ THẾ	VIỆN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
48	11112046	LÊ XUÂN	VIỆT	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
49	11112250	NGUYỄN CÔNG	VINH	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
50	~~08120092~~	~~BÙI THỊ MỸ~~	~~Ý~~	~~DH08KT~~								

Số bài: 46 ; Số tờ: 47

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu Quang Khuê

Mỹ Ngọc Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 07 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01491

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11112289	LÊ THỊ QUỲNH	THƯ	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
20	11161060	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
21	11112214	PHẠM ANH	THƯ	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
22	11111090	NGUYỄN NGỌC MAI	THY	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
23	11142019	ĐẶNG THỊ MỸ	TIÊN	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
24	11112224	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
25	11112225	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
26	11111060	TRẦN THỤY KHÁNH	TRANG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
27	11112226	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
28	11112227	NGUYỄN TRẦN BẢO	TRÂN	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
29	11112034	LƯU HOÀNG THIÊN	TRỊ	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
30	11111091	TRẦN QUỐC	TRÌNH	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
31	11111056	CAO QUAN	TRONG	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
32	11142114	PHAN NGUYỄN THANH	TRÚC	DH11DY	1			7	6	6,3	6	3
33	11112229	HỒ NGUYỄN TRẦN	TRUNG	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
34	11111046	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	DH11CN	2			8	8	8,0	8	0
35	11111092	PHẠM MINH	TRUNG	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
36	11112237	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0

Số bài: 46 ; Số tờ: 47

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 04 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01491

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R20/6/2012

Môn Học : Giáo dục khuyến nông (208503) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/04/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11112188	TRẦN VŨ	SINH	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
2	~~11161051~~	~~NGUYỄN TRƯỜNG~~	~~SƠN~~	~~DH11TA~~							V	
3	11112027	TRẦN THỊ	TÂM	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
4	11161004	ĐỖ THIÊN	THANH	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
5	11112194	NGUYỄN VĂN	THÀNH	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
6	11161011	LÊ THU	THẢO	DH11TA	1			8	8	8,0	8	0
7	11161057	KIÊN VĂN	THẾ	DH11TA	1			8	7	7,3	7	3
8	11112202	LÂM HOÀNG	THIỆN	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
9	11161111	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	DH11TA	1			7	7	7,0	7	0
10	10112270	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THỊNH	DH11CN	1			7	6	6,3	6	3
11	~~11112204~~	~~TRẦN TIẾN~~	~~THỊNH~~	~~DH11TY~~							V	
12	11112205	NGUYỄN HỮU	THỌ	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
13	11112206	VŨ LÊ NGỌC	THỌ	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
14	11112031	NGUYỄN THỊ CẨM	THƠ	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
15	11112211	TRẦN NGỌC	THUẬN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
16	11142165	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
17	11161080	TRẦN THỊ THANH	THÚY	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
18	11111054	NGUYỄN ĐÀO MINH	THUYẾT	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 46 ; Số tờ: 47

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày 29 tháng 04 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	11112234	NGUYỄN DUY	TUẤN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
92	11112296	HOÀNG VĂN	TÙNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
93	11161083	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
94	11112038	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
95	11112239	NGUYỄN THỊ THÚY	UYÊN	DH11TY	1			8	10	9,4	9	4
96	11112042	PHẠM VŨ THÙY	VÂN	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
97	11142118	TRƯƠNG ĐÌNH	VIỆT	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
98	11112253	PHAN TUẤN	VŨ	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
99	11112257	NGUYỄN HOÀNG	Ý	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
100	11112044	NGUYỄN THỤY HUỲNH	YẾN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7

Số bài: 95 ; Số tờ: 96

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10142143	DƯƠNG MẬU	THÀNH	DH10DY	1			8	8	8,0	8	0
74	08111036	HỒ VĂN	THÀNH	DH08CN	1			7	6	6,3	6	3
75	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10KT	1			7	7	7,0	7	0
76	11142161	TRẦN THỊ THU	THẢO	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
77	11112288	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	THI	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
78	11112207	LÂM THỊ MỸ	THÔNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
79	11142106	HUỲNH THỊ KIM	THU	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
80	11112032	VÕ LÊ	THUẦN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
81	~~11111115~~	~~NGUYỄN KHẮC~~	~~THUYẾT~~	~~DH11CN~~						V	0	0
82	~~11111001~~	~~TRẦN KHIÊM~~	~~THỨC~~	~~DH11CN~~						V	0	0
83	11142109	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
84	10120042	VÕ THỊ MỸ	TIÊN	DH10KT	1			8	9	8,7	8	7
85	11112268	NGUYỄN THIÊN	TRANG	DH11TY	1			7	8	7,7	7	7
86	11112292	NGUYỄN THỊ ÁI	TRIỀU	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
87	10111040	LÊ NAM	TRUNG	DH10CN	1			~~7~~	5	5,6	5	6
88	10120047	PHAN THANH	TRUNG	DH10KT	1			8	10	9,4	9	4
89	11112036	BÙI QUANG	TUẤN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
90	11112294	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 95 ; Số tờ: 96

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11112280	PHẠM ĐÌNH	NGUYÊN	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
56	11112162	BÙI THẾ	PHI	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
57	11111025	DƯƠNG THỊ KIM	PHÚC	DH11CN	1			8	9	8,7	8	7
58	11112022	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
59	11112170	TRỊNH XUÂN	PHÚC	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
60	11142088	NGÔ THỊ UYÊN	PHƯƠNG	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
61	11112173	VÕ NGỌC	PHƯƠNG	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6
62	11112287	TRẦN THỊ TỐ	QUYÊN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
63	11112182	PHẠM PHÚC	QUỲNH	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
64	11112184	NGUYỄN CỬU THÁI	SAN	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
65	11142156	NGUYỄN TẤN	SINH	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
66	11142095	ĐỖ NGỌC	SƠN	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
67	11112189	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11TY	1			7	2	3,5	3	5
68	11142096	PHẠM QUAN	SƠN	DH11DY	1			7	7	7,0	7	0
69	11112191	TRẦN CÔNG	SƠN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
70	10120035	TRẦN THỊ	SƯƠNG	DH10KT	1			8	9	8,7	8	7
71	11112026	NGUYỄN DƯƠNG	TÂM	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
72	09120071	NÔNG VĂN	THÁI	DH09KT	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 95 ; Số tờ: 96

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11111077	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
38	11142061	NGUYỄN THỊ CẨM	HƯỜNG	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
39	11112114	NGÔ ĐẶNG	HƯỜNG	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
40	11112119	VĂN THỊ YẾN	KHANG	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
41	11112121	NGUYỄN VĂN	KHÁNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
42	11112126	BÙI NHƯỢC	KHUYẾT	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
43	11112137	HUỲNH LÊ ĐỨC	LỘC	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
44	11142151	BÙI THỊ MAI	LY	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
45	11161098	PHAN QUỐC	MẪN	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
46	11112016	ĐINH HOÀNG MI	MI	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
47	11112276	ĐẶNG VĂN	MINH	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
48	11112277	LÊ VĂN	MINH	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
49	11142070	LÊ THỊ HỒNG	MUỘI	DH11DY	1			8	9	8,7	8	7
50	11112148	ĐẶNG KIM	NGÂN	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6
51	11142012	TRẦN THỤY KIM	NGÂN	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
52	11112150	HOÀNG VƯƠNG MẪN	NGHI	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
53	11142075	TRIỆU THU	NGHIỆM	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
54	11142076	LÊ BẢO	NGỌC	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 95 ; Số tờ: 96

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11112080	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	DH11TY	1			7	6	6,3	6	3
20	11112083	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
21	11112084	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐĂNG	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
22	11142045	NGUYỄN THỊ HỒNG	GẤM	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
23	11112008	PHAN BẢO	GHI	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
24	11112091	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG	HẢI	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6
25	11161090	PHẠM VŨ	HẢO	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
26	11142050	LÊ THỊ	HẰNG	DH11DY	1			8	7	7,3	7	3
27	11111096	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH11CN	1			8	8	8,0	8	0
28	11142009	NGUYỄN THỊ THÚY	HIỀN	DH11DY	1			8	8	8,0	8	0
29	11112308	PHAN THANH	HIỀN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
30	11112095	TRẦN THỊ THẢO	HIỀN	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
31	11112097	PHẠM MINH	HIỂN	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
32	11112105	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH11TY	1			7	5	5,6	5	6
33	07111174	TRẦN PHÚC	HÒA	DH08CN	1			8	9	8,7	8	7
34	11112102	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	DH11TY	1			7	4	4,9	4	9
35	11111023	TÔ HỒNG	HOÀNG	DH11CN	1			7	7	7,0	7	0
36	11112009	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0

Số bài: 35 ; Số tờ: 36

Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 4 tháng 6 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00684

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 11-12

R 20/6/2012

Môn Học : Giá o dụ c khuyế n nô ng (208503) - Số Tí n Chỉ : 2 **Ngày Thi :** 23/04/12 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11112258	LÊ TUẤN	ANH	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
2	10111002	NGUYỄN HÙNG TUẤN	ANH	DH10CN	1			7	5	5,6	5	6
3	11112053	TRẦN NGỌC TRÂM	ANH	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
4	11112056	LÊ QUỐC	BẢO	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
~~5~~	~~11112061~~	~~TRỊNH VĂN~~	~~ĐỈNH~~	~~DH11TY~~						Vắng		
6	10120004	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	DH10KT	1			8	8	8,0	8	0
7	10111048	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH10CN	1			7	7	7,0	7	0
8	11111068	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	DH11CN	1			8	7	7,3	7	3
9	11112074	TRƯƠNG HÙNG	DŨNG	DH11TY	1			7	8	7,7	7	7
10	11112069	HOÀNG VƯƠNG TƯỜNG	DUY	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
11	11112269	NGUYỄN BẢO	DUY	DH11TY	1			7	7	7,0	7	0
~~12~~	~~11111020~~	~~NGUYỄN ĐỨC~~	~~DUY~~	~~DH11CN~~						Vắng		
13	11112072	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	DH11TY	1			8	8	8,0	8	0
14	11112270	HÀ THANH	DƯƠNG	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3
15	11112006	LÊ VĂN	DƯƠNG	DH11TY	1			8	9	8,7	8	7
16	11161022	PHẠM VĂN	DƯƠNG	DH11TA	1			8	9	8,7	8	7
~~17~~	~~11112076~~	~~TÔ HOÀI~~	~~DƯƠNG~~	~~DH11TY~~						Vắng		
18	11112078	TRỊNH XUÂN	DƯƠNG	DH11TY	1			8	7	7,3	7	3

Số bài: 95 ; Số tờ: 96

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 6 năm 2012